CÔNG NGHỆ SỐ VỚI CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ: CẬP NHẬT LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ VÀ LUẬT BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Nguyễn Đức Lam[1]

*Tài liệu đọc này phục vụ chuyên đề **Cập nhật Luật Công nghiệp công nghệ số và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân** cho lãnh đạo UBND cấp xã tỉnh Khánh Hòa, thuộc khóa tập huấn **Lãnh đạo Quản trị công trong Kỷ nguyên số** do Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright tổ chức tại Nha Trang, ngày 14-15/10/2025.*

1. LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

1.1. Trọng tâm: Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số

Luật Công nghiệp Công nghệ số không chỉ là bước đi quan trọng, góp phần thể chế hóa kịp thời các chủ trương lớn của Đảng về đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số, đồng thời tạo nền tảng cho Việt Nam hội nhập sâu rộng vào xu thế công nghệ toàn cầu.

Phát triển ngành công nghệ số thành trụ cột kinh tế mới

Luật Công nghiệp Công nghệ số mang kỳ vọng trở thành cú hích mạnh mẽ thúc đẩy hình thành một ngành công nghiệp mới, vừa có giá trị kinh tế cao, vừa là động lực nội sinh cho chuyển đổi số quốc gia.

Luật hướng đến bốn mục tiêu lớn: 1) Phát triển công nghiệp công nghệ số thành một trong những ngành kinh tế trọng điểm, đóng góp lớn vào GDP; 2) Hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số nội địa, chuyển dịch từ gia công sang làm chủ công nghệ lõi, tích hợp, sản xuất và sáng tạo; 3) Đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số hiện đại, đồng bộ, thúc đẩy các tiến trình chuyển đổi số trong toàn xã hội; 4) Thu hút và phát triển đội ngũ nhân lực công nghệ số chất lượng cao, kết nối nhân tài trong và ngoài nước.

Đáng chú ý, Luật đã thể chế hóa các chủ trương lớn được nêu tại Nghị quyết số 57 và Nghị quyết số 68 của Bộ Chính trị. Các nội dung cốt lõi gồm: Cơ chế ưu đãi doanh nghiệp công nghệ số; Phát triển hạ tầng số dùng chung; Khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Đào tạo nhân tài và thử nghiệm công nghệ có kiểm soát.

Hành lang pháp lý mở cho các công nghệ chiến lược

Luật có các quy định ưu đãi mang tính hệ thống, bao trùm toàn bộ chuỗi phát triển ngành gồm hỗ trợ tài chính, hạ tầng, thuế doanh nghiệp và thuế xuất nhập khẩu, đất đai và thủ tục hải quan; khuyến khích đầu tư đào tạo, miễn giấy phép lao động, cấp visa 5 năm, học bổng và ưu đãi thuế thu nhập cá nhân cho chuyên gia; hỗ trợ đầu tư nghiên cứu, chi phí đầu tư vào cơ sở nghiên cứu được tính vào chi phí trừ thuế. Nhà nước đầu tư các hạ tầng thiết yếu, khuyến khích tư nhân xây dựng hạ tầng công nghệ số và phát triển các khu công nghệ tập trung; hỗ trợ mở rộng thị trường sản phẩm công nghệ số, đặc biệt ưu đãi trong thuê/mua sắm sản phẩm bằng vốn ngân sách nhà nước.

Trong đó, ngành công nghiệp bán dẫn được xác định là lĩnh vực chiến lược sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi riêng biệt, tạo lợi thế cạnh tranh và nắm bắt thời cơ dịch chuyển chuỗi giá trị toàn cầu.

[1] Cố vấn chính sách, Viện Nghiên cứu chính sách và phát triển truyền thông (IPS).

Đây là bước đi thể hiện rõ sự chủ động của Việt Nam trong việc đón đầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tiếp cận chủ động với trí tuệ nhân tạo và tài sản số

Một điểm mới nổi bật của Luật CNCNS đưa trí tuệ nhân tạo (AI) vào phạm vi điều chỉnh của pháp luật. AI được xác định là công cụ đột phá nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh quốc gia. Tuy nhiên, đây vẫn là lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro và còn chưa có nhiều mô hình pháp lý hoàn chỉnh trên thế giới. Vì vậy, Luật đã lựa chọn hướng tiếp cận nguyên tắc, "mềm dẻo" quy định khung trong luật, đồng thời Chính phủ sẽ ban hành các quy định chi tiết phù hợp thực tiễn.

Song song đó, Luật CNCNS cũng lần đầu tiên đưa ra các nguyên tắc quản lý tài sản số, lĩnh vực còn rất mới và phức tạp. Các quy định bước đầu xoay quanh định nghĩa, phân loại và nội dung quản lý tài sản số theo hướng linh hoạt. Chính phủ sẽ quy định cụ thể theo từng lĩnh vực chuyên ngành. Đây là tiền đề quan trọng để quản lý hiệu quả, đồng thời phát triển thị trường tài sản số trong nước.

Thử nghiệm có kiểm soát – cơ chế mở cho sáng tạo

Luật Công nghiệp Công nghệ số chỉ xác lập chính sách chung của Nhà nước về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. Để đảm bảo tính đồng bộ pháp luật, khung cơ chế sandbox đã được quy định tại Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, từ đó Chính phủ quy định chi tiết phù hợp với từng ngành, từng lĩnh vực. Cơ chế này bao gồm các quy định về nguyên tắc triển khai, tiêu chí lựa chọn, thẩm quyền, trách nhiệm pháp lý, quyền lợi của người dùng, và miễn trừ trách nhiệm đối với các rủi ro khách quan trong thử nghiệm.

1.2. Vai trò, trách nhiệm của UBND cấp xã

Luật Công nghiệp công nghệ số chỉ quy định trực tiếp về trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, có thể gián tiếp xác định vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan đến thực thi Luật trong việc góp phần tạo môi trường phát triển thị trường, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, ứng dụng AI trong hoạt động, cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

a) Phát triển thị trường và mua sắm công (Điều 4.5, 31)

- **Phát triển thị trường:** Theo Luật, Nhà nước phát triển thị trường cho công nghiệp công nghệ số, bao gồm cơ chế đặt hàng, cung cấp thông tin thị trường, thúc đẩy chuyển đổi số, và ưu tiên mua sắm sản phẩm/dịch vụ CNCNS được sản xuất tại Việt Nam. UBND cấp xã có thể góp phần thực hiện quy định này thông qua đặt hàng, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNCNS được sản xuất tại Việt Nam như trang thiết bị, phần mềm, công cụ AI phục vụ hoạt động của mình v.v…
- **Ưu đãi mua sắm:** Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng yêu cầu của Bộ KH&CN được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Đây là cơ sở pháp lý để UBND cấp xã lựa chọn nhà thầu có các sản phẩm, dịch vụ tích hợp công nghệ số.

b) Quản lý dữ liệu số

UBND cấp xã là một phần không thể thiếu của chính quyền địa phương trong quản lý dữ liệu số. Cụ thể:

- UBND phường, xã, thị trấn được xác định là đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu trong phạm vi thẩm quyền của mình. Điều này có nghĩa là UBND cấp xã chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng, quản lý và cập nhật dữ liệu ở cấp cơ sở.
- Đơn vị chủ quản dữ liệu (bao gồm UBND cấp xã) có trách nhiệm thu thập, tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh/thành phố. Việc này phải đảm bảo tích hợp, chia sẻ dữ liệu kịp thời, nhất quán, chính xác, đầy đủ và liên tục.
- Đảm bảo chất lượng dữ liệu: Luật CNCNS quy định đảm bảo chất lượng dữ liệu số, bao gồm yêu cầu về tính chính xác, hợp lệ, toàn vẹn, đầy đủ, cập nhật kịp thời, thống nhất. UBND cấp xã có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra, đánh giá dữ liệu và báo cáo.

c) Ứng dụng công nghệ số trong cải cách hành chính

Trong bối cảnh cải cách hành chính, vai trò của UBND cấp xã liên quan đến Luật Công nghiệp công nghệ số bao gồm:

- Thực hiện thủ tục hành chính (TTHC): UBND cấp xã có thể ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ của CNCNS vào thực hiện TTHC trực tiếp và trực tuyến, góp phần giải quyết hồ sơ của người dân và doanh nghiệp. Ví dụ, các sản phẩm, dịch vụ tích hợp chữ ký số vào các dịch vụ công trực tuyến; thanh toán số bằng cách tích hợp thanh toán (QR Code, Mobile Money, Thẻ, Ví điện tử) vào các dịch vụ công.
- Nâng cao năng lực số: Chính quyền địa phương cần tập trung nâng cao năng lực số và kỹ năng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức tại cơ sở.

d) Ứng dụng AI trong hoạt động của UBND cấp xã

UBND cấp xã có thể thúc đẩy ứng dụng AI: triển khai trợ lý ảo, chatbot AI trên nền tảng dịch vụ công. Đồng thời, cần sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích dữ liệu lớn nhằm hỗ trợ công tác đánh giá, dự báo, cảnh báo và điều hành chính sách.

Để làm điều này, có thể dựa trên quy định của Luật CNCNS về Trí tuệ nhân tạo, trong đó có những nội dung liên quan đến UBND cấp xã với tư cách là chủ thể ứng dụng AI:

- **Nguyên tắc phát triển, cung cấp, triển khai sử dụng AI:** phục vụ sự thịnh vượng, bảo đảm công bằng, an toàn, minh bạch, kiểm soát rủi ro.
- **Quản lý hệ thống AI có rủi ro cao hoặc tác động lớn:** Yêu cầu kỹ thuật, minh bạch trong cung cấp thông tin, quản lý dữ liệu, kiểm soát, an toàn, an ninh mạng.
- Quy định về **dấu hiệu nhận dạng** đối với hệ thống AI tương tác trực tiếp với con người hoặc sản phẩm CNCNS tạo ra bởi AI.
- **Trách nhiệm** của các chủ thể trong hoạt động phát triển, cung cấp, triển khai sử dụng AI.

2. LUẬT BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

2.1. Những nội dung chính của Luật

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (BVDLCN) quy định về dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân, và quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày **01 tháng 01 năm 2026.** Dưới đây là những nội dung chính của Luật.

a) Một số khái niệm quan trọng

- **Dữ liệu cá nhân** là dữ liệu số hoặc thông tin dưới dạng khác xác định hoặc giúp xác định một con người cụ thể, bao gồm: **dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm.**
- **Dữ liệu cá nhân cơ bản** là dữ liệu phản ánh các yếu tố về nhân thân, lai lịch phổ biến, thường xuyên sử dụng trong các giao dịch, quan hệ xã hội.
- **Dữ liệu cá nhân nhạy cảm** là dữ liệu cá nhân gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân, khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, thuộc danh mục do Chính phủ ban hành.
- **Chủ thể dữ liệu cá nhân** là người được dữ liệu cá nhân phản ánh.
- **Xử lý dữ liệu cá nhân** là hoạt động tác động đến dữ liệu cá nhân, bao gồm: thu thập, phân tích, tổng hợp, mã hóa, giải mã, chỉnh sửa, xóa, hủy, hủy nhận dạng, cung cấp, công khai, chuyển giao dữ liệu cá nhân và hoạt động khác tác động đến dữ liệu cá nhân.

b) Nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân

Các hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ quy định của Hiến pháp, Luật này và các quy định pháp luật liên quan.
- **Xử lý dữ liệu cá nhân phải đúng phạm vi, mục đích cụ thể, rõ ràng,** bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.
- **Dữ liệu cá nhân phải chính xác** và được chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung khi cần thiết; được lưu trữ trong khoảng thời gian phù hợp với mục đích xử lý.
- Thực hiện đồng bộ có hiệu quả các biện pháp quản lý, pháp chế, kỹ thuật, con người phù hợp để bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý kịp thời, nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân gắn với bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại; bảo đảm hài hòa giữa bảo vệ dữ liệu cá nhân với bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

c) Quyền/nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cá nhân

Quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân bao gồm:

- Được biết về hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân.

- **Đồng ý hoặc không đồng ý, yêu cầu rút lại sự đồng ý** cho phép xử lý dữ liệu cá nhân.
- Xem, chỉnh sửa hoặc yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu cá nhân.
- Yêu cầu cung cấp, xóa, hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân, gửi yêu cầu phản đối xử lý dữ liệu cá nhân.
- Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại.
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến xử lý dữ liệu cá nhân thực hiện các biện pháp, giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cá nhân bao gồm:

- Tự bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình.
- Tôn trọng, bảo vệ dữ liệu cá nhân của người khác.
- Cung cấp đầy đủ, chính xác dữ liệu cá nhân của mình theo quy định của pháp luật, theo hợp đồng hoặc khi đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân của mình.
- Chấp hành pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và tham gia phòng, chống hoạt động xâm phạm dữ liệu cá nhân.

d) Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình xử lý

Sự đồng ý và các quyền liên quan

- Việc xử lý dữ liệu cá nhân phải có **sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân**, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- Sự đồng ý phải được thể hiện bằng phương thức rõ ràng, cụ thể, có thể in, sao chép bằng văn bản, bao gồm cả dưới dạng điện tử hoặc hành động nhằm chứng minh được.
- Chủ thể dữ liệu cá nhân có quyền **yêu cầu rút lại sự đồng ý** cho phép xử lý dữ liệu cá nhân.
- **Thu thập, phân tích, tổng hợp dữ liệu cá nhân** phải được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân trước khi thu thập, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Xóa, hủy và hủy nhận dạng

Việc xóa, hủy dữ liệu cá nhân được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Chủ thể dữ liệu cá nhân yêu cầu và chấp nhận rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra đối với mình, với điều kiện yêu cầu này tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 4 của Luật này.
- Đã hoàn thành mục đích xử lý dữ liệu cá nhân.
- Hết thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Thực hiện theo thỏa thuận.
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chuyển dữ liệu cá nhân và công khai dữ liệu

- **Công khai dữ liệu cá nhân** chỉ được công khai với mục đích cụ thể, phạm vi công khai, loại dữ liệu cá nhân được công khai phải phù hợp với mục đích công khai.
- **Chuyển giao dữ liệu cá nhân** được thực hiện khi có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân.
- Việc chuyển giao dữ liệu cá nhân trong các trường hợp này không thu phí hoặc thu phí không xác định được là mua, bán dữ liệu cá nhân.

Trường hợp xử lý dữ liệu cá nhân không cần sự đồng ý

Các trường hợp xử lý dữ liệu cá nhân không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân bao gồm:

- Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc người khác trong trường hợp khẩn cấp.
- Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.
- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước, hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.
- Phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước.
- Thực hiện thỏa thuận của chủ thể dữ liệu cá nhân với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới (CDLXBG)

- **Các trường hợp CDLXBG** bao gồm chuyển dữ liệu đang lưu trữ tại hệ thống lưu trữ dữ liệu đặt tại lãnh thổ Việt Nam ra nước ngoài; hoặc chuyển dữ liệu cá nhân cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam chuyển dữ liệu cá nhân cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài phải **lập hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới**.
- Hồ sơ đánh giá này phải được cập nhật định kỳ **06 tháng** hoặc cập nhật ngay trong các trường hợp thay đổi.

e) Xử lý vi phạm và trách nhiệm

Các hành vi bị nghiêm cấm

Các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

- Xử lý dữ liệu cá nhân nhằm chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Cản trở hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- Lợi dụng hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.
- Xử lý dữ liệu cá nhân trái quy định của pháp luật.

- Sử dụng dữ liệu cá nhân của người khác, cho người khác sử dụng dữ liệu cá nhân của mình để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật.
- Mua, bán dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp luật có quy định khác.
- Chiếm đoạt, cố ý làm lộ, làm mất dữ liệu cá nhân.

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

- **Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về BVDLCN**. Bộ Công an là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về BVDLCN.
- **Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân** có trách nhiệm rõ ràng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên, xác định mục đích và phương tiện xử lý, thực hiện biện pháp quản lý/kỹ thuật phù hợp, thông báo về vi phạm quy định.

f) Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong một số hoạt động cụ thể

Luật quy định về việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các lĩnh vực đặc thù:

- **Trẻ em, người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự:** Việc xử lý phải được sự đồng ý của cha mẹ hoặc người giám hộ.
- **Tuyển dụng, quản lý, sử dụng người lao động:** Phải tuân thủ quy định pháp luật về lao động và đảm bảo các biện pháp công nghệ, kỹ thuật phù hợp để bảo vệ dữ liệu.
- **Thông tin sức khỏe và hoạt động kinh doanh bảo hiểm:** Phải có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu.
- **Hoạt động tài chính, ngân hàng, hoạt động thông tin tín dụng:** Phải thực hiện đầy đủ biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân nhạy cảm, chỉ thu thập dữ liệu cần thiết, và không sử dụng thông tin tín dụng của chủ thể dữ liệu cá nhân không có sự đồng ý.
- **Kinh doanh dịch vụ quảng cáo:** Phải được sự đồng ý của khách hàng, trừ cơ sở kinh doanh đã biết rõ nội dung, phương thức, hình thức, tần suất giới thiệu sản phẩm.
- **Mạng xã hội, dịch vụ truyền thông trực tuyến:** Tổ chức cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thông báo rõ ràng về dữ liệu thu thập, không được trái pháp luật và phải có công cụ lựa chọn cho phép người dùng từ chối thu thập và chia sẻ dữ liệu (cookies), hoặc từ chối theo dõi hoạt động.
- **Xử lý trong môi trường điện toán đám mây (Cloud), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), vũ trụ ảo (VR):** Việc xử lý phải tuân thủ các quy định của Luật này và phù hợp với tiêu chuẩn đạo đức, thuần phong mỹ tục của Việt Nam.

2.2. UBND xã phải làm gì, được làm gì?

Luật BVDLCN 2025 không quy định trực tiếp về UBND cấp xã liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, có thể tổng hợp các quy định gián tiếp của Luật về trách nhiệm, quyền hạn của UBND cấp xã như sau:

2.2.1. Trách nhiệm của UBND cấp xã về bảo vệ DLCN

Khi UBND cấp xã thực hiện chức năng thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân, nó phải tuân thủ các trách nhiệm chung áp dụng cho Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân và Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân được quy định tại Điều 37 của Luật. Các trách nhiệm chính bao gồm:

a) Trách nhiệm chung

- **Xác định rõ ràng** trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ với các bên liên quan (thông qua thỏa thuận, hợp đồng).
- **Quyết định rõ ràng** mục đích và phương tiện xử lý dữ liệu cá nhân được ghi trong văn bản, thỏa thuận với chủ thể dữ liệu, đảm bảo nguyên tắc và nội dung theo Luật này.
- **Thông báo** về vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định tại Điều 23 của Luật này.
- **Đảm bảo các quyền của chủ thể dữ liệu** cá nhân được thực hiện theo quy định.
- **Chịu trách nhiệm** trước chủ thể dữ liệu cá nhân về các thiệt hại do quá trình xử lý dữ liệu cá nhân gây ra.
- **Ngăn chặn** hoạt động thu thập dữ liệu cá nhân trái phép thông qua hệ thống, trang thiết bị, dịch vụ của mình.
- **Phối hợp** với Bộ Công an, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong bảo vệ dữ liệu cá nhân, cung cấp thông tin phục vụ điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- **Thực hiện các trách nhiệm khác** theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Xây dựng quy trình, chính sách

- Xây dựng quy trình thực hiện các quyền của chủ thể dữ liệu (quyền đồng ý, quyền được biết/được thông báo, quyền rút lại sự đồng ý, quyền yêu cầu hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân, quyền chỉnh sửa dữ liệu cá nhân, quyền xóa/hủy/khử nhận dạng dữ liệu cá nhân, quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu cá nhân)
- Xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị
- Cơ chế phản ứng với sự cố về dữ liệu cá nhân, thông báo cho cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân chậm nhất là 72 giờ kể từ khi phát hiện hành vi vi phạm.
- Thông báo hoặc bằng hình thức thông tin khác để chủ thể dữ liệu cá nhân biết được mình đang bị ghi âm, ghi hình

c) Biện pháp kĩ thuật

- Thực hiện: (1) tiêu chuẩn về bảo vệ dữ liệu cá nhân gồm tiêu chuẩn đối với hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, quản lý, vận hành, xử lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân được công bố, thừa nhận áp dụng tại Việt Nam, (2) quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân gồm quy chuẩn kỹ thuật đối với hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, quản lý, vận hành, xử lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân được xây dựng, ban hành và áp dụng tại Việt Nam.

- Việc xử lý dữ liệu cá nhân bằng trí tuệ nhân tạo phải thực hiện phân loại theo mức độ rủi ro để có biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân phù hợp.
- Hệ thống và dịch vụ sử dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, vũ trụ ảo và điện toán đám mây phải được tích hợp các biện pháp bảo mật dữ liệu cá nhân phù hợp; phải sử dụng phương thức xác thực, định danh phù hợp và phân quyền truy cập để xử lý dữ liệu cá nhân.

d) Nhân sự: Chỉ định bộ phận, nhân sự đủ điều kiện năng lực bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc thuê tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2.2.2. Quyền hạn trong thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân

UBND cấp xã có các quyền hạn sau đây liên quan đến DLCN:

- Có quyền thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân phù hợp với mục đích luật định, khi được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu.
- Xử lý dữ liệu cá nhân mà không cần sự đồng ý để phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Ví dụ: ghi âm, ghi hình tại nơi công cộng, hoạt động công cộng mà không cần có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Chuyển giao dữ liệu cá nhân giữa các bộ phận trong cùng cơ quan phù hợp với mục đích ban đầu, hoặc để tiếp tục xử lý dữ liệu cá nhân trong trường hợp chia, tách, sáp nhập cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính và tổ chức lại, hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Được phân tích, tổng hợp dữ liệu cá nhân từ nguồn dữ liệu tự thu thập hoặc được chia sẻ, cung cấp, chuyển giao, khai thác, sử dụng để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.
- Ưu tiên khai thác, sử dụng dữ liệu cá nhân vào hoạt động phục vụ quản lý nhà nước, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập để phục vụ thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- Không phải thực hiện quy định về đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới đối với dữ liệu cá nhân của người lao động thuộc cơ quan đó được lưu trữ trên dịch vụ điện toán đám mây.

PHÂN BỔ THỜI GIAN CHUYÊN ĐỀ

10 phút: Khởi động: Câu hỏi trao đổi về thực trạng ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của chính quyền cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

20 phút: Trình bày Nội đung 1: Luật Công nghiệp công nghệ số.

15 phút: Thảo luận tình huống: Ứng dụng AI trong hoạt động của UBND cấp xã: Tiềm năng, rủi ro, ứng phó.

20 phút: Trình bày nội dung 2: Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

20 phút: Thảo luận tình huống: Một số trường hợp thực tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động của UBND cấp xã.

5 phút: Tổng kết chuyên đề.